

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HUỆ
Chương: 622 Loại 070 Khoản 072

Biểu 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 12 tháng 4 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH VÀ NGUỒN SỰ NGHIỆP KHÁC QUÝ I NĂM 2022
(Kèm theo thông báo số: 87/TB-THNH ngày 12/4/2022 của trường tiểu học Nguyễn Huệ)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-PGDĐT ngày 05/01/2022 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.

Trường Tiểu học Nguyễn Huệ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách NN và nguồn thu sự nghiệp khác quý I năm 2022 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Thực hiện quý I năm 2022	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Quyết toán thu sự nghiệp khác	390,686,616	390,686,616	0	
I	Tổng số thu sự nghiệp khác	390,686,616	390,686,616	0	
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0	
1.1	Tiền BHYT học sinh	0	0	0	
1.2	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	690,616	690,616	0	
1.3	Tiền trông giữ phương tiện giao thông	13,090,000	13,090,000	0	
1.4	Tiền Tiếng anh tự chọn lớp 1,2	28,945,000	28,945,000	0	
1.5	Tiền học Tiếng Anh NN	167,860,000	167,860,000	0	
1.6	Tiền nước uống	16,951,000	16,951,000	0	
1.7	Tiền Tin học	55,540,000	55,540,000	0	
1.8	Tiền Kỹ năng sống	107,610,000	107,610,000		
1.9	Tiền điện điều hòa lớp học	0	0	0	
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp khác	390,686,616	375,535,600	0	
2.1	Tiền BHYT học sinh	0	0	0	
2.2	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	690,616	0	0	
2.3	Tiền trông giữ phương tiện giao thông	13,090,000	12,665,600	0	
2.4	Tiền Tiếng anh tự chọn lớp 1,2	28,945,000	26,915,500	0	
2.5	Tiền học Tiếng Anh NN	167,860,000	162,651,700	0	
2.6	Tiền nước uống	16,951,000	16,670,000	0	
2.7	Tiền Tin học	55,540,000	52,004,700	0	
2.8	Tiền Kỹ năng sống	107,610,000	104,628,100		
2.9	Tiền điện điều hòa lớp học	0	0	0	
3	Số dư kinh phí được phép chuyển sang quý II sử dụng và quyết toán	0	15,151,016	0	

II	<u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u>	<u>3,820,000,000</u>	<u>666,261,183</u>	<u>22</u>	<u>86</u>
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi nghiệp vụ giáo dục đào tạo dạy nghề	3,820,000,000	666,261,183	22	86
3.1	<u>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</u>	<u>3,820,000,000</u>	<u>666,261,183</u>	<u>22</u>	<u>86</u>
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2,895,000,000</u>	<u>632,932,412</u>	<u>22</u>	<u>95</u>
	Mục 6000: Tiền lương	1,495,000,000	364,913,901	24	104
	Mục 6100: Phụ cấp lương	920,000,000	171,349,406	19	78
	Mục 6200: Tiền thưởng	20,000,000	-	0	-
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	6,000,000	-	0	-
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	434,000,000	96,669,105	22	103
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	20,000,000	-	0	-
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>905,000,000</u>	<u>33,328,771</u>	<u>4</u>	32
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	52,000,000	1,886,338	4	10
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	130,000,000	-	0	-
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	29,000,000	4,686,000	16	100
	Mục 6650: Hội nghị	40,000,000	-	0	-
	Mục 6700: Công tác phí	20,000,000	1,500,000	8	100
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	100,000,000	17,366,433	17	123
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	288,000,000	-	0	-
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	100,000,000	-	0	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	130,000,000	7,890,000	6	24
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	16,000,000	-	0	-
c	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>20,000,000</u>	-	<u>0</u>	-
	Mục 7750: Chi khác	20,000,000		0	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			-
a	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	-	-		-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	-			-
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ cho HS SV	-			-
	Mục 6750: Chi thuê mướn	-			-
b	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	-	-		-
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				-

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mơ

